TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị T, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2022 cùng các văn bản khác kèm theo nguyên đơn là bà Lưu Thị T trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2009, bà và ông Phạm Văn T chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh C vào ngày 11/8/2015. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên về sau

vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không thể tiếp tục cuộc sống chung mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Bà và ông Hổ không còn sống chung với nhau từ tháng 11/2021 cho đến nay. Bà nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T. Về con chung có 02 người tên là Phạm Thảo N (giới tính nữ), sinh ngày 26/7/2010 và Phạm Ngọc C (giới tính nữ), sinh ngày 09/5/2016 hiện do bà đang nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được triệp tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ.

Đại diện chính quyền địa phương xã nơi hai bên đương sự sinh sống xác định: Bà Lưu Thị T và ông Phạm Văn T không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Lưu Thị T ly hôn với ông Phạm Văn T. Giao con chung tên là Phạm Thảo N (giới tính nữ), sinh ngày 26/7/2010 và Phạm Ngọc C (giới tính nữ), sinh ngày 09/5/2016 cho bà Lưu Thị T tiếp tục nuôi, ông Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Lưu Thị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Phạm Văn T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lưu Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt. Ông Phạm Văn T vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. *Xét về hôn nhân:* Bà Lưu Thị T và ông Phạm Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T tỉnh C vào ngày 11/8/2015. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa Bà Lưu Thị T và ông Phạm Văn T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà Lưu Thị T xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không thể tiếp tục cuộc sống chung. Bà và ông Phạm Văn T không còn sống chung với nhau từ tháng 01/2021 đến nay mà không thể tự hòa giải,

hàn gắn. Bà Lưu Thị T nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T. Ông Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét, cho thấy ông Phạm Văn T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lưu Thị T và ông Phạm Văn T đã và đang trầm trọng. Bà Lưu Thị T cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, việc bà Lưu Thị T yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Có 02 người tên là Phạm Thảo N (giới tính nữ), sinh ngày 26/7/2010 và Phạm Ngọc C (giới tính nữ), sinh ngày 09/5/2016 hiện do bà T đang nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung hiện tại đang do bà T nuôi dưỡng, Phạm Thảo N có nguyện vọng muốn chung sống cùng bà T, Phạm Ngọc C chưa đủ 7 tuổi, khi không còn chung sống với nhau con chung do bà T nuôi dưỡng nên việc giao con cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà T. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Lưu Thị T xác định không có đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Lưu Thị T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lưu Thị T ly hôn với ông Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cho Bà Lưu Thị T chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên là Phạm Thảo N (giới tính nữ), sinh ngày 26/7/2010 và Phạm Ngọc C (giới tính nữ), sinh ngày 09/5/2016 cho đến khi Phạm Thảo N và Phạm Ngọc C đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Lưu Thị T về việc không yêu cầu ông Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lưu Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Lưu Thị T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017642, ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã L, huyện T, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước